

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 904/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Huỳnh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: QT, Phường MM, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Lê Kim P, sinh năm 1992; Địa chỉ: HCS, KpB, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm Huỳnh H với bà Lê Kim P là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 27/02/2021 của Ủy ban nhân dân phường MM, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 19/06/2021 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/12/2021, ông H, bà P thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về tài sản chung, con chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Huỳnh H và bà Lê Kim P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 27/02/2021 của Ủy ban nhân dân phường MM, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông H, bà P không còn giá trị)

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông H và bà P phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông H, bà P đã nộp theo biên lai số 0047266 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND phường 11, Q.G;
- Chi cục THADS Q. G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Tô Văn Mạnh